TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19** /2022/HNGĐ-ST
Ngày 18/02/2022
"V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Sơn và ông Hoàng Thanh Nghệ

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 522/2021/TLST -HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc "*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Đàm Thị B, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm 1, xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1989

Nơi thường trú: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện tại: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

(các đương sự vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đàm Thị B. và anh Triệu Văn T. kết hôn với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 23/4/2012. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, khoảng năm 2015 - 2016 anh T. đi xây dựng kinh tế mới tại huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, anh T. và chị B. sống ly thân từ đó đến nay. Xác định tình cảm không còn, tháng 11/2021 chị Đàm Thị B. có đơn

khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn T.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đàm Thị B. trình bầy: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, anh Triệu Văn T. đi xây dựng kinh tế mới tại huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và ở hẳn trong đó, không trở về với mẹ con chị, từ năm 2015 đến nay anh chị sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn T.Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Triệu Thanh T, sinh ngày 01/02/2013, hiện đang sống cùng chị, nếu ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh T. phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Triệu Văn T. trình bầy: Anh kết hôn với chị Đàm Thị B. vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, năm 2016 anh đi làm kinh tế tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung và từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị Đàm Thị B. có đơn ly hôn thì anh cũng nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Triệu Thanh T, sinh ngày 01/02/2013, hiện đang sống cùng chị Đàm Thị B. Nếu ly hôn anh có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu, không yêu cầu chị B. phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên, cháu Triệu Thanh T. trình bầy: Cháu là con của bố Triệu Văn T, mẹ Đàm Thị B, cháu đang sống cùng mẹ cháu và đang học lớp 3 trường tiểu học xã L, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Bố cháu đi làm ăn xa, hiện đang ở miền Nam đã lâu không trở về. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Đàm Thị B. và anh Triệu Văn T. xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Triệu Văn T. có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện tại: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Anh Triệu Văn T. và chị Đàm Thị B. kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, khoảng năm 2015 - 2016 anh T. đi vào Nam làm ăn và từ đó không trở về, hiện tại anh T. không có mặt ở địa phương.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Đàm Thị B. và anh Triệu Văn T. kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S. là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh chị hiện sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và

gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Đàm Thị B. được ly hôn với anh Triệu Văn T.; về con chung: giao cháu Triệu Thanh T, sinh ngày 01/02/2013 cho chị Đàm Thị B. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình và theo nguyện vọng của cháu Tùng; Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Đàm Thị B. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn T. và giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là "*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn anh Triệu Văn T. có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Nơi ở hiện tại: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã quyết định ủy thác tư pháp và đã lấy được lời khai của anh T, anh T. đồng ý ly hôn và không có ý kiến gì nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đàm Thị B. và bị đơn anh Triệu Văn T. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị B. và anh Triệu Văn T. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 23/4/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân. Quá trình giải quyết chị Đàm Thị B. có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn T, anh T. có quan điểm nhất trí ly hôn với chị Đàm Thị B.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Đàm Thị B. và anh Triệu Văn T. thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho chị Đàm Thị B. được ly hôn với anh Triệu Văn T.

- Về con chung: Chị Đàm Thị B. và anh Triệu Văn T. có 01 con chung là Triệu Thanh T, sinh ngày 01/02/2013, cháu hiện đang ở với chị Đàm Thị B. Quá trình giải

quyết chị B. và anh T. cùng có quan điểm đề nghị giao con chung cho anh, cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Triệu Thanh T. là con chung của chị Đàm Thị B. và anh Triệu Văn T. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Tuy nhiên, anh Triệu Văn T. hiện không có mặt ở địa phương, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay (6 năm) cháu Triệu Thanh T. sống cùng với mẹ, anh T. không về thăm hỏi, chăm sóc cháu, quá trình giải quyết cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Đàm Thị B. và thực tế cháu đang sinh sống, học tập cùng với chị B. ở xã Lang Quán, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, anh T. đang sinh sống, làm việc ở huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, căn cứ tình hình thực tế và theo nguyện vọng của cháu Tùng, cần giao cháu Triệu Thanh T, sinh ngày 01/02/2013 cho chị Đàm Thị B. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Triệu Văn T. không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị B. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Đàm Thị B. và anh Triệu Văn T. xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Đàm Thị B. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đàm Thị B. được ly hôn với anh Triệu Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thanh T, sinh ngày 01/02/2013 cho chị Đàm Thị B. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Triệu Văn T. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đàm Thị B. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001821 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị B. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TQ;*
- *VKSND huyện SD;*
- *Chi cục THADS huyện SD;*
- *UBND xã L (Nơi ĐKKH);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT- HS.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến